

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

**Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh**

**Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Số 03 - Ngõ 1295 - Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội**

**Điện thoại: (04) 3 974 5081/82      Fax: (04) 3 974 5083**

*Hà Nội, tháng 08 năm 2012*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168

---

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2012	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2012	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012	09 - 22

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan**

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Xí nghiệp khoáng sản Mangan trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Hà Tĩnh. Từ ngày 06/12/2005 Xí nghiệp khoáng sản Mangan được chuyển thành Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan theo Quyết định số 1299/QĐ-UB-DN của UBND Tỉnh Hà Tĩnh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp số 3000376142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 26/03/2006 và thay đổi lần thứ 2 ngày 30/07/2010 cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **31.600.000.000 (Ba mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn).**

**Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:**

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan. Kinh doanh mua, bán, chế biến sau các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Đolomit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép. Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

**Công ty có trụ sở tại: Xóm 15, xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.**

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:**

**Hội đồng quản trị:**

1 Ông Dương Tất Thắng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/05/2012)
2 Ông Võ Văn Lưu	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/05/2012)
3 Ông Bùi Văn Minh	Thành viên
4 Ông Đinh Quang Tuấn	Thành viên
5 Ông Nguyễn Anh Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2012)
6 Ông Nguyễn Trọng Tuyên	Thành viên

**Ban Giám đốc:**

1 Ông Đinh Quang Tuấn	Quyền Giám đốc
2 Ông Phan Xuân Luật	Phó Giám đốc
3 Ông Nguyễn Đức Dũng	Kế toán trưởng

### **2. Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

### **3. Tại Báo cáo này Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây**

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

- Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và Quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
  - Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ hoạt động tiếp theo.
  - Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ hoạt động tiếp theo.

**ĐẠI DIỆN:**

**Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan**

---

**Phó Giám đốc**

**Đình Quang Tuấn**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012*

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

Số: /CPA HANOI - BCKT

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012  
của Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan*

**Kính gửi :**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được lập ngày 20/07/2012 như đã trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập phù hợp với các quy định nêu tại mục II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính trên cơ sở soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kết quả soát xét được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Kiểm toán viên**

**Tổng Giám đốc**

**Lê Văn Dò**

**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV*

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/06/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: đ

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.714.117.367</b>	<b>40.854.077.700</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>38.643.285</b>	<b>310.070.795</b>
1. Tiền	111	V.01	38.643.285	310.070.795
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>606.837.691</b>	<b>2.906.746.507</b>
1. Phải thu khách hàng	131		547.808.845	2.818.965.661
2. Trả trước cho người bán	132		-	7.000.000
3. Các khoản phải thu khác	138		261.742.346	283.494.346
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(202.713.500)	(202.713.500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>38.593.561.856</b>	<b>36.655.877.270</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	39.212.600.577	39.259.731.549
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(619.038.721)	(2.603.854.279)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>475.074.535</b>	<b>981.383.128</b>
1. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.05	337.509.651	761.016.803
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		137.564.884	220.366.325
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.855.956.356</b>	<b>12.210.058.086</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.076.314.947</b>	<b>11.014.962.045</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.704.060.322	10.631.917.428
- Nguyên giá	222		26.869.719.592	26.847.677.644
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.165.659.270)	(16.215.760.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	372.254.625	383.044.617
- Nguyên giá	228		431.599.581	431.599.581
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(59.344.956)	(48.554.964)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>779.641.409</b>	<b>1.195.096.041</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	586.428.909	1.065.269.041
2. Tài sản dài hạn khác	268		193.212.500	129.827.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>50.570.073.723</b>	<b>53.064.135.786</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đ

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.903.100.375</b>	<b>13.645.399.315</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.692.497.011</b>	<b>13.434.795.951</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>V.15</b>	7.917.844.211	4.902.147.810
2. Phải trả người bán	312		930.620.139	2.618.876.787
3. Người mua trả tiền trước	313		3.650.352.759	2.768.122.759
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>V.16</b>	822.970.563	1.277.613.763
5. Phải trả công nhân viên	315		674.883.002	1.199.042.810
6. Chi phí phải trả	316	<b>V.17</b>	32.110.695	184.194.786
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	<b>V.18</b>	577.199.882	376.911.714
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		86.515.760	107.885.522
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>210.603.364</b>	<b>210.603.364</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		210.603.364	210.603.364
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>35.666.973.348</b>	<b>39.418.736.471</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>35.666.973.348</b>	<b>39.418.736.471</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31.600.000.000	31.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.037.527.899	7.037.527.899
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.308.269
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.534.877.946	2.534.877.946
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		511.380.238	1.022.760.476
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(6.016.812.735)	(2.779.738.119)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>50.570.073.723</b>	<b>53.064.135.786</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Đình Quang Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/06/2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

*Đơn vị tính: đ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.140.115.367	4.906.417.920	8.027.277.951	14.000.550.523
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	-	121.860.841	-	121.860.841
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp.				121.860.841		
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	VI.27	2.140.115.367	4.784.557.079	8.027.277.951	13.878.689.682
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.563.331.563	2.646.957.982	8.732.501.578	9.748.053.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		576.783.804	2.137.599.097	(705.223.627)	4.130.636.480
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	417.066	38.455.635	1.407.869	83.726.784
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	290.789.750		548.073.730	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		286.929.073		541.443.588	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.33	146.548.084	741.089.503	510.734.813	1.681.308.966
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.34	750.837.268	925.643.837	1.501.723.042	1.622.148.858
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(610.974.232)	509.321.392	(3.264.347.343)	910.905.440
11. Thu nhập khác	31		27.272.727	32.525.051	27.272.727	32.878.595
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác	40		27.272.727	32.525.051	27.272.727	32.878.595
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(583.701.505)	541.846.443	(3.237.074.616)	943.784.035
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31		135.461.611		235.946.009
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(583.701.505)	406.384.832	(3.237.074.616)	707.838.026
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			(185)	129	(1.024)	224

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng

Đình Quang Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(3.237.074.616)</b>	<b>943.784.035</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	983.546.189	676.743.207
- Các khoản dự phòng	03	619.038.721	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.407.869)	(83.726.784)
- Chi phí lãi vay	06	548.073.730	
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(1.087.823.845)</b>	<b>1.536.800.458</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.806.217.409)	892.423.802
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	47.130.972	(3.008.899.399)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	697.883.031	2.351.795.038
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	415.454.632	(361.654.722)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(515.963.035)	
- Thuế TNDN đã nộp	14	-	-332.668.650
- Tiền thu từ các hoạt động khác	15	-	273.685.730
- Tiền chi cho các hoạt động khác	16	(21.369.762)	(1.072.295.741)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.270.905.416)</b>	<b>279.186.516</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-44.899.091	(12.330.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	27.272.727	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.407.869	83.726.784
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(16.218.495)</b>	<b>71.396.784</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17.718.225.745	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.702.529.344)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	36		(3.792.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.015.696.401</b>	<b>(3.792.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(271.427.510)</b>	<b>(3.441.416.700)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>310.070.795</b>	<b>4.473.862.262</b>
nh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.158.536)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>38.643.285</b>	<b>1.031.287.026</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc

Hoàng Thị Huyền

Nguyễn Đức Dũng Đình Quang Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 22 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012**

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Xí nghiệp khoáng sản Mangan trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Hà Tĩnh. Từ ngày 06/12/2005 Xí nghiệp khoáng sản Mangan được chuyển thành Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan theo Quyết định số 1299/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Hà Tĩnh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp số 3000376142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 26/03/2006 và thay đổi lần thứ 2 ngày 30/07/2010 cấp. Theo đó

**Vốn điều lệ của Công ty là: 31.600.000.000 đồng**

*(Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng).*

**Công ty có trụ sở tại: Xóm 15, xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.**

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại.**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan. Kinh doanh mua, bán, chế biến sau các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Đolomit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép. Sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các loại phương tiện vận tải đường bộ.

### **II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Kỳ kế toán: Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.
3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

### **III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:  
Chúng tôi, Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Hình thức kế toán áp dụng:  
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)*

## **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

### **2.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **2.2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

### **3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

#### **\* Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:**

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

**3.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho:** theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

### **3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	Từ 05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	Từ 06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	Từ 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Từ 3 - 5 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

- \* Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- \* Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
  - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
  - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán
- \* được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức và phương pháp phân bổ hợp lý.

**7. Ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**8. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm: doanh thu sản xuất Mangan, doanh thu từ lãi tiền gửi và doanh thu từ đầu tư cổ phiếu.

**9.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**9.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:** Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ cho thuê ca máy được xác định theo hợp đồng kinh tế, phiếu giá thanh toán cho thuê máy móc thiết bị, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

**9.3 Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### **11. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.

- Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá và được xử lý theo chuẩn mực kế toán.

#### **12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

##### **12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

- \* Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
  - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
  - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- \* Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

##### **12.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

- \* Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
  - Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/06/2012

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- \* Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
- \* Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**12.3 Các nghĩa vụ về thuế:**

- \* Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đ)**

1. Tiền	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tiền mặt	8.123.871	64.213.355
- Tiền gửi Ngân hàng	30.519.414	245.857.440
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	30.519.414	245.857.440
+ Tiền gửi Ngoại tệ	-	-
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.643.285</b>	<b>310.070.795</b>
3. Các khoản phải thu	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng</i>	547.808.845	2.818.965.661
<i>Trả trước cho người bán</i>		7.000.000
<i>Phải thu khác</i>	261.742.346	283.494.346
- BHXH, BHYT	8.587.700	38.622.700
- Kinh phí Công đoàn	186.735.000	171.735.000
- Phải thu khác	66.419.646	73.136.646
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	(202.713.500)	(202.713.500)
<b>Cộng</b>	<b>606.837.691</b>	<b>2.906.746.507</b>
4. Hàng tồn kho	Số cuối quý	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	9.300.411.962	11.483.966.755
- Công cụ, dụng cụ	71.435.999	120.252.816
- Thành phẩm	29.840.752.616	27.655.511.978
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	(619.038.721)	(2.603.854.279)
<b>Cộng</b>	<b>38.593.561.856</b>	<b>36.655.877.270</b>
* Giá trị của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: ...		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: .....		
* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK		
5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước:	337.509.651	761.016.803

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/06/2012

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá tài sản cố định</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.515.507.377</b>	<b>12.187.035.488</b>	<b>7.629.422.146</b>	<b>515.712.633</b>	<b>26.847.677.644</b>
s				44.899.091	<b>44.899.091</b>
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác				-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-				-
- Thanh lý, nhượng bán			22.857.143		<b>22.857.143</b>
- Giảm khác		-			-
<b>Số dư cuối quý này</b>	<b>6.515.507.377</b>	<b>12.187.035.488</b>	<b>7.606.565.003</b>	<b>560.611.724</b>	<b>26.869.719.592</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.604.722.573</b>	<b>7.546.900.735</b>	<b>4.864.545.760</b>	<b>199.591.148</b>	<b>16.215.760.216</b>
- Khấu hao trong kỳ	274.294.668	307.925.934	352.332.048	38.203.547	<b>972.756.197</b>
- Tăng khác				-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-				-
- Thanh lý, nhượng bán			22.857.143		<b>22.857.143</b>
- Giảm khác		-			-
<b>Số dư cuối quý này</b>	<b>3.879.017.241</b>	<b>7.854.826.669</b>	<b>5.194.020.665</b>	<b>237.794.695</b>	<b>17.165.659.270</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm	2.910.784.804	4.640.134.753	2.764.876.386	316.121.485	<b>10.631.917.428</b>
- Tại ngày cuối quý này	2.636.490.136	4.332.208.819	2.412.544.338	322.817.029	<b>9.704.060.322</b>

( Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Chỉ tiêu	Giá trị thương hiệu	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>431.599.581</b>		<b>431.599.581</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>431.599.581</b>	-	<b>431.599.581</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			-
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>48.554.964</b>		<b>48.554.964</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>10.789.992</b>	-	<b>10.789.992</b>
- Khấu hao trong năm	10.789.992	-	10.789.992
- Tăng khác			-
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>59.344.956</b>	-	<b>59.344.956</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			-
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>383.044.617</b>	-	<b>383.044.617</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>372.254.625</b>	-	<b>372.254.625</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số dư đầu kỳ	1.065.269.041	826.532.338
Số tăng trong kỳ	352.151.766	1.271.925.502
Số đã kết chuyển trong kỳ	830.991.898	1.033.188.799
<b>Cộng</b>	<b>586.428.909</b>	<b>1.065.269.041</b>

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>7.917.844.211</b>	<b>4.902.147.810</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/06/2012

Vay NH NT CN Hà Tĩnh (*)	2.917.844.211	4.902.147.810
Vay Tổng Công ty KS Hà Tĩnh	5.000.000.000	-
<b>b. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.917.844.211</b>	<b>4.902.147.810</b>

(\*) Hợp đồng tín dụng số 12/3002/NHNT ngày 12/01/2012 với CN ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Hà Tĩnh về việc vay vốn lưu động phục vụ khai thác, sản xuất kinh doanh quặng và xỉ Mangan. Lãi suất cho vay là 1,47%/tháng

<b>10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-
Thuế XNK	-	285.217.103
Thuế thu nhập cá nhân	3.840.000	1.980.000
Thuế tài nguyên	524.030.063	930.824.960
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	295.100.500	59.591.700
<b>Cộng</b>	<b>822.970.563</b>	<b>1.277.613.763</b>

<b>11. Chi phí phải trả:</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trích trước tiền lương nghỉ phép		170.223.000
Trích trước tiền lãi	32.110.695	13.971.786
<b>Cộng</b>	<b>32.110.695</b>	<b>184.194.786</b>

<b>12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	73.342.519	128.838.819
Bảo hiểm xã hội	316.425.804	79.639.382
Bảo hiểm y tế	81.402.036	19.457.400
Bảo hiểm thất nghiệp	51.969.523	8.647.600
Các khoản phải trả phải nộp	54.060.000	140.328.513
<b>Cộng</b>	<b>577.199.882</b>	<b>376.911.714</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

đến ngày 30/06/2012

**13. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu****A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>31.600.000.000</b>	<b>7.037.527.899</b>	<b>1.158.536</b>	<b>2.487.561.538</b>	<b>975.444.068</b>	<b>4.551.635.213</b>	<b>46.653.327.254</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	47.316.408	47.316.408	-	94.632.816
- Lãi trong năm trước	-	-	2.149.733	-	-	-	2.149.733
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	2.779.738.119	2.779.738.119
- Giảm khác	-	-	-	-	-	4.551.635.213	4.551.635.213
							-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>31.600.000.000</b>	<b>7.037.527.899</b>	<b>3.308.269</b>	<b>2.534.877.946</b>	<b>1.022.760.476</b>	<b>(2.779.738.119)</b>	<b>39.418.736.471</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>31.600.000.000</b>	<b>7.037.527.899</b>	<b>3.308.269</b>	<b>2.534.877.946</b>	<b>1.022.760.476</b>	<b>(2.779.738.119)</b>	<b>39.418.736.471</b>
- Tăng vốn trong kỳ này			-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	3.308.269	-	-	3.237.074.616	3.240.382.885
- Giảm khác	-	-	-	-	511.380.238	-	511.380.238
							-
<b>4. Số dư cuối quý này</b>	<b>31.600.000.000</b>	<b>7.037.527.899</b>	<b>-</b>	<b>2.534.877.946</b>	<b>511.380.238</b>	<b>(6.016.812.735)</b>	<b>35.666.973.348</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan****Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012

Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168

đến ngày 30/06/2012

<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn góp của Tổng khoáng sản Hà Tĩnh	16.100.000.000	16.100.000.000
Vốn góp các cổ đông khác	15.500.000.000	15.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.600.000.000</b>	<b>31.600.000.000</b>
* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-
* Số lượng cổ phiếu quỹ:	-	-
<b>C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:</b>	<b>06 tháng đầu năm nay</b>	<b>06 tháng đầu năm trước</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	31.600.000.000	31.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	31.600.000.000	31.600.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		
<b>D. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.160.000	3.160.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	3.160.000	3.160.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.160.000</i>	<i>3.160.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.160.000	3.160.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.160.000</i>	<i>3.160.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đ/ 1 Cổ phiếu	
<b>E. Các quỹ doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Quỹ đầu tư phát triển	2.534.877.946	2.534.877.946
Quỹ dự phòng tài chính	511.380.238	1.022.760.476

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan****Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Xóm 15, Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012  
Điện thoại: (039) 2 213 523 - Fax: (039) 3564 168 đến ngày 30/06/2012

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả KD (đ)**

<b>1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>06 tháng đầu năm nay</b>	<b>06 tháng đầu năm trước</b>
	<b>8.027.277.951</b>	<b>14.000.550.523</b>
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	8.027.277.951	14.000.550.523
Doanh thu hoạt động xây lắp		
Doanh thu hoạt động SXKD khác		
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>121.860.841</b>
+ Hàng bán bị trả lại	-	121.860.841
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.027.277.951</b>	<b>13.878.689.682</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>06 tháng đầu năm nay</b>	<b>06 tháng đầu năm trước</b>
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	8.732.501.578	9.748.053.202
<b>Cộng</b>	<b>8.732.501.578</b>	<b>9.748.053.202</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>06 tháng đầu năm nay</b>	<b>06 tháng đầu năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.407.869	83.726.784
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
<b>Cộng</b>	<b>1.407.869</b>	<b>83.726.784</b>
<b>6. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>06 tháng đầu năm nay</b>	<b>06 tháng đầu năm trước</b>
Chi phí lãi vay	548.073.730	
<b>Cộng</b>	<b>548.073.730</b>	<b>-</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>06 tháng đầu năm nay</b>	<b>06 tháng đầu năm trước</b>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	235.946.009
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	235.946.009
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>06 tháng đầu năm nay</b>	<b>06 tháng đầu năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	758.463.459	666.030.224
Chi phí vật liệu quản lý	1.059.769	33.563.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	152.844.443	146.656.197
Thuế, phí, lệ phí	3.005.485	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.371.157	376.670.279
Chi phí bằng tiền khác	513.978.729	399.229.158
<b>Cộng</b>	<b>1.501.723.042</b>	<b>1.622.148.858</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	38.643.285	38.643.285
- Khoản phải thu khách hàng và thu khác	809.551.191	809.551.191

**1.2 Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả cho người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 30/06/2012

Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	7.917.844.211
Phải trả người bán	930.620.139

**1.3 Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của công ty tại ngày 30/6/2012.

<b>Đối tượng</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng Cộng</b>
Phải trả người bán	930.620.139	-	<b>930.620.139</b>
Vay ngắn hạn	7.917.844.211	-	<b>7.917.844.211</b>

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC). Số liệu này được phân loại lại theo hướng dẫn tại TT số 244/2009/TT-BTC ngày

**3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo.

**4. Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**5. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>06 tháng đầu năm nay</b>	<b>06 tháng đầu năm trước</b>
<b>1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	21,47%	23,01%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	78,53%	76,99%
<b>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	29,47%	25,71%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	70,53%	74,29%
<b>2 Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	3,39	3,89
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2,70	3,04
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	-	0,02
<b>3 Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-27,27%	6,80%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-27,27%	5,10%
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-1,15%	1,78%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-1,15%	1,33%

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Phó Giám đốc**

**Hoàng Thị Huyền**

**Nguyễn Đức Dũng**

**Đình Quang Tuấn**